

## I. TRẮC NGHIỆM.

**Câu 1.** Trong Python, câu lệnh nào dưới đây được viết đúng?

A. for i in range(10): print("A").	B. for i range(10): print("A").
C. for i in range[10]: print("A").	D. for in range(10) print("A").

A. 2.	B. 0.	C. 1.	D. Tất cả đều sai.
-------	-------	-------	--------------------

**Câu 2.** Biến chạy trong vòng lặp for i in range(5,10) tăng lên mấy đơn vị sau mỗi

lần	A. 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10.	B. 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.
	C. 5, 6, 7, 8, 9, 10.	D. 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10.

lặp?

A. Ngày tám hai lần.	B. Ngày đánh răng hai lần.
C. Mỗi tuần đi nhà sách một lần.	D. Học bài cho tới khi thuộc bài.

**Câu 3:** Cho câu lệnh for i in range(10). Như vậy i nhận các giá trị nào sau đây?

A. while <điều kiện> to <câu lệnh>.	B. while :<điều kiện> . <câu lệnh>.
C. while <điều kiện> do: <câu lệnh>.	D. while <điều kiện>: <câu lệnh>.

**Câu 4.** Hoạt động nào sau đây lặp với số lần lặp chưa biết trước?

A. 2.	B. 4.	C. 5.	D. 6.
-------	-------	-------	-------

**Câu 5.** Cú pháp lệnh lặp với số lần chưa biết trước:

A. A.del(5).	B. del(A[5]).	C. A.del(A[5]).	D. del[A(5)].
--------------	---------------	-----------------	---------------

**Câu 6:** Cho A=[5, 6, 7, 2, 4]. Lệnh len(A) cho kết quả là nào?

A. 2.	B. 7.	C. 5.	D. 6.
-------	-------	-------	-------

**Câu 7:** Lệnh nào sau đây xóa phần tử thứ 5 khỏi danh sách A.

**Câu 8:** Cho A=[5, 6, 7, 2, 4]. Lệnh A[3] cho kết quả là gì?

A. A.insert(2, 4).	B. A.insert(4, 2).	C. A.insert(3, 4).	D. A.insert(4, 3).
--------------------	--------------------	--------------------	--------------------

**Câu 9.** Danh sách A trước và sau lệnh insert() là [1, 3, 5, 0] và [1, 3, 4, 5, 0]. Lệnh đã dùng là lệnh gì?

<b>A.</b> A.insert(2, 4).	<b>B.</b> A.insert(4, 2).	<b>C.</b> A.insert(3, 4).	<b>D.</b> A.insert(4, 3).
---------------------------	---------------------------	---------------------------	---------------------------

**Câu 10:** Danh sách A trước và sau lệnh insert() là [1, 3, 5, 0] và [1, 3, 5, 4, 0].

<b>A.</b> del().	<b>B.</b> exit().	<b>C.</b> remove().	<b>D.</b> clear().
------------------	-------------------	---------------------	--------------------

Lệnh đã dùng là lệnh gì?

**Câu 11.** Lệnh nào sau đây xoá toàn bộ danh sách?

**Câu 12.** Sau khi thực hiện các câu lệnh sau, mảng A như thế nào?

A =

<b>A.</b> [1, 2, 3, 4].	<b>B.</b> [2, 3, 4, 5].	<b>C.</b> [1, 2, 4, 5].	<b>D.</b> [1, 3, 4, 5].
-------------------------	-------------------------	-------------------------	-------------------------

[1, 2, 3, 4, 5] A.

<b>A.</b> A.insert(2, 4).	<b>B.</b> A.insert(4, 2).	<b>C.</b> A.insert(3, 4).	<b>D.</b> A.insert(4, 3).
---------------------------	---------------------------	---------------------------	---------------------------

remove(2) print(A)

**Câu 13:** Danh sách A trước và sau lệnh insert() là [1, 3, 5, 0] và [1, 3, 5, 4, 0].

<b>A.</b> A.append(12).	<b>B.</b> append(12).	<b>C.</b> A.append[12].	<b>D.</b> append[12].
-------------------------	-----------------------	-------------------------	-----------------------

Lệnh đã dùng là lệnh gì?

<b>A.</b> for i in range(10): prin("A").	<b>B.</b> for i in range(10): print("A").
<b>C.</b> for i in range(10): print(A).	<b>D.</b> for i in range(10) print("A").

**Câu 14:** Cho A=[ 2, 8, 4, 7] thực hiện lệnh gì trong các lệnh sau để có kết quả A=[ 2, 8, 4, 7,12].

<b>A.</b> 1.	<b>B.</b> 2.	<b>C.</b> 0.	<b>D.</b> Tất cả đều sai.
--------------	--------------	--------------	---------------------------

**Câu 15.** Trong Python, câu lệnh nào dưới đây được viết đúng?

<b>A.</b> 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10.	<b>B.</b> 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.
<b>C.</b> 5, 6, 7, 8, 9, 10.	<b>D.</b> 5, 6, 7, 8, 9.

<b>A.</b> Chạy quanh sân trường 10 vòng.	<b>B.</b> Chạy quanh sân trường cho đến khi mệt.
--	--

C. Mỗi ngày chạy quanh sân trường 2 vòng.	D. Chạy quanh sân trường hai vòng.
---	------------------------------------

**Câu 16.** Biến chạy trong vòng lặp for i in range(<giá trị cuối>) tăng lên mấy đơn vị

sau	A. while <điều kiện> to <câu lệnh>.	B. while :<điều kiện> . <câu lệnh>.
	C. while <điều kiện>: <câu lệnh>.	D. while <điều kiện> do: <câu lệnh>.

mỗi lần lặp?

A. 2.	B. 4.	C. 5.	D. 6.
-------	-------	-------	-------

**Câu 17:** Cho câu lệnh for i in range(5, 10). Như vậy i nhận các giá trị nào sau đây?

A. A.del(4).	B. A.del(A[4]).	C. del(A[4]).	D. del[A(4)].
--------------	-----------------	---------------	---------------

**Câu 18.** Hoạt động nào sau đây lặp với số lần lặp chưa biết trước?

A. 2.	B. 7.	C. 5.	D. 6.
-------	-------	-------	-------

**Câu 19.** Cú pháp lệnh lặp với số lần chưa biết trước:

A. A.remove(x).	B. A. exit(x).	C. A. clear(x).	D. A.del(x).
-----------------	----------------	-----------------	--------------

**Câu 20:** Cho A=[5, 6, 7, 2, 4,10]. Lệnh len(A) cho kết quả là nào?

**Câu 21:** Lệnh nào sau đây xóa phần tử thứ 4 khỏi danh sách A.

**Câu 22:** Cho A=[5, 6, 7, 2, 4]. Lệnh A[2] cho kết quả là gì?

A. 3.	B. 2.	C. 12.	D. 4.
-------	-------	--------	-------

**Câu 23.** Lệnh nào sau đây xoá phần tử x từ danh sách A?

**Câu 24.** Phần tử thứ bao nhiêu trong mảng A bị xoá?

A	A. A. insert(2, 4).	B. A. insert(4, 2).	C. A.insert(3, 4).	D. A. insert(4, 3).
---	---------------------	---------------------	--------------------	---------------------

=

[10, 20, 3, 30, 20, 30, 20, 6, 3, 2, 8, 9]

A. remove(3)

A.A.append[20].	B. append(20).	C. A.append(20).	D. append[20].
-----------------	----------------	------------------	----------------

**Câu 25.** Danh sách A trước và sau lệnh insert() là [1, 3, 5, 0] và [1, 3, 4, 5, 0].

Lệnh đã dùng là lệnh gì?

**Câu 26:** Cho A=[ 2, 8, 4, 7] thực hiện lệnh gì trong các lệnh sau để có kết quả A=[ 2, 8, 4, 7,20].

## II. PHẦN TRẮC NGHIỆM (ĐÚNG/SAI)

1. <Điều kiện> trong câu lệnh while là gì?
2. Hoạt động của câu lệnh while.
3. Trong lệnh for i in range(6): <khởi lệnh> sau mỗi lần thực hiện khởi lệnh I thay đổi như thế nào.
4. Hiểu được lệnh các lệnh find trong chuỗi ký tự.
5. Lệnh range(n) trả lại vùng giá trị trong khoảng nào?
6. Tác dụng của câu lệnh split(), câu lệnh join()
7. Cách khởi tạo kiểu chuỗi ký tự trắng, kiểu danh sách rỗng.
8. Trong một chuỗi có thể thay đổi từng ký tự hay không.
9. Hiểu được kiểu dữ liệu trong danh sách.
10. Hiểu cách dùng lệnh insert, remove trong kiểu danh sách A.
11. Hiểu lệnh nối các chuỗi với nhau.

## III. TỰ LUẬN.

1. Một số lệnh làm việc với danh sách (mục 2 trang 116 sgk)
2. Một số lệnh làm việc với chuỗi ký tự (mục 2 trang 124 sgk)

**VIẾT LẠI CÁC CHƯƠNG TRÌNH SAU VÀ HIỂU BẢN CHẤT CỦA TỪNG CHƯƠNG TRÌNH**

3. Luyện tập 1,2. Vận dụng 1 (trang 118 sgk)
4. Luyện tập 1, 2. Vận dụng 1 (trang 122 sgk)
5. Luyện tập 1,2. Vận dụng 1 (trang 126 sgk)